TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ - ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn P - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc: "***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1.NgU đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 71 đường NX, thôn 03, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Ánh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 71 đường NX, thôn 03, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024, bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, ngU đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Anh và chị Võ Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 30 tháng 12 năm 1996. Quá trình chung sống, anh và chị T thường xU xảy ra tranh cãi, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có tiếng nói chung, mỗi lần tranh cãi, chị T dùng lời lẽ có tính

chất xúc phạm nặng nề. Người phụ nữ mà chị T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính ngoài hôn nhân là bạn gái của anh, quen biết đã 35 năm, đang định cư ở bên Mỹ, gần đây anh và người phụ nữ này có gặp gỡ, đi ăn, nói chuyện, hoàn toàn không có việc ngoại tình. Còn vấn đề tài sản, anh thống nhất giao nhà, đất cho các con nhưng thời điểm chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu, anh phải cân nhắc trả dứt điểm nợ Ngân hàng, các con đều có khả năng làm chủ tài sản. Từ đó, bản thân anh tự nhận thấy không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như vậy nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Võ Thị Ánh T.

Về con chung: Anh và chị Võ Thị Ánh T có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1997, Nguyễn H S, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2000 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009.

Các con Nguyễn Thị Thu U và Nguyễn H S đã thành niên, có khả năng lao động, học tập nên anh không yêu cầu giải quyết; cháu Nguyễn Thị Thu P hiện đang sống với chị T, cũng có nguyện vọng muốn sống với chị nên anh đồng ý giao cháu P cho chị Võ Thị Ánh T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu P là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Võ Thị Ánh T tự thỏa thuân về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn chị Võ Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 30 tháng 12 năm 1996. Quá trình chung sống, chị và anh H chưa từng có lần nào cãi nhau nghiêm trọng mà nguyên nhân chủ yếu là do có người phụ nữ khác xúi giục nên anh H phải ly hôn với chị. Gần 02 tháng trở lại đây, anh H và người phụ nữ này trao đổi tin nhắn trên zalo gọi nhau thân mật là chồng, vợ, nội dung trao đổi tình cảm vượt quá giới hạn bạn bè. Bản thân chị tự nhận thấy chị và anh H không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn; giữa anh chị chưa giải quyết tài sản, anh H chỉ đề cập đến vấn đề giao tài sản cho chị và các con nhưng chưa có văn bản pháp lý chứng thực nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh H có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1997, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2000 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009.

Trong trường hợp đến mức phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, đối với các con, cháu Nguyễn Thị Thu U và cháu Nguyễn Hoàng S đã thành niên, có khả năng lao động, học tập nên chị không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Nguyễn Thị Thu P, chị chấp thuận nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà anh Nguyễn Minh H đã đề nghị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Nguyễn Minh H tự thỏa thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhận dân thành phố P thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ngU đơn theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng của các đương sự đều bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H về yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Ánh T, giao 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho chị Võ Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Minh H và chị Võ Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 30 tháng 12 năm 1996. Hôn nhân của ông bà tuân thủ theo các Điều 5,6,7,8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, anh Nguyễn Minh H yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Võ Thị Ánh T đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn chị T cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Theo biên bản xác minh ngày 22 tháng 7 năm 2024, chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn gia đình giữa anh Nguyễn Minh H và chị Võ Thị Ánh T. Qua lời khai của anh H và chị T cho thấy hôn nhân của anh chị đã có dấu hiệu rạn nứt, nghi vấn về lòng chung thủy cùng với việc không có sự gắn bó, chia sẻ gánh nặng kinh tế, không cùng chung quan điểm trong công việc gia đình đã thúc đẩy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Chị T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân chị cũng không còn tin tưởng vào tình cảm yêu thương giữa vợ chồng.

Nền tàng duy trì hôn nhân là tình cảm yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và sự tự nguyện gắn bó, chung mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái; hôn nhân không còn tình yêu, không còn sự tôn trọng thì đó chỉ còn là ràng buộc về mặt pháp lý do đó Hội đồng xét xử cân nhắc và quyết định không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Võ Thị Ánh T.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H, xử cho anh H được ly hôn với chị Võ Thị Ánh T.

Về con chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Võ Thị Ánh T có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1997, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2000 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009.

Anh chị thống nhất các con Nguyễn Thị Thu U và Nguyễn Hoàng S đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu P, anh chị thống nhất giao cháu P cho chị Võ Thị Ánh T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Nội dung thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của cháu P, không vi phạm quy định pháp luật tại Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

Vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Võ Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5,6,7,8, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh H

Anh Nguyễn Minh H được ly hôn với chị Võ Thị Ánh T

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Minh H và chị Võ Thị Ánh T:

Giao 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho chị Võ Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi 01 (một) con chung Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp trước đây theo biên lai số 0001707 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Anh Nguyễn Minh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 112 ngày 30/12/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**